

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 124/2020/DS-ST

Ngày: 16/11/2020

Về việc: “Y/c chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Thanh Trọng.

- Ông Cao Văn Dũng.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

***Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: “Yêu cầu chia tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1634/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: KP C, TT T, huyện T, tỉnh Bình Định.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1937

Địa chỉ: KP C, TT T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1972, theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2020.

Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:* Giữa chị với anh Nguyễn Văn H1 là anh em ruột, và trước đây có cùng hộ khẩu với mẹ là Nguyễn Thị T1. Đến năm 1993, ba mẹ con vẫn ở cùng hộ khẩu nên được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa gồm hai thửa số 41, tờ bản đồ 27 diện tích 1.147, 5m<sup>2</sup> và thửa số 193 tờ bản đồ 28 diện tích 260,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định do mẹ chị là bà Nguyễn Thị T1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do anh Nguyễn Văn H1 đang sử dụng. Đến năm 1994 chị đi lấy chồng thì anh H1 vẫn tiếp tục sử dụng từ đó cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án chia đều tài sản chung nói trên là thửa đất trồng lúa số 41, tờ bản đồ 27 và thửa đất ruộng 193 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị T1, chị là Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn H1 03 phần bằng nhau đối với hai thửa ruộng trên. Hiện 02 thửa đất trên anh H1 đang quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu phần tố của anh H1 cho rằng 217,5m<sup>2</sup> đất tăng thêm là do anh H1 khai phá và đề nghị Tòa án công nhận cho anh H1 thì chị không đồng ý mà yêu cầu vẫn nhập vào tài sản chung và chia đều lý do nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình Nguyễn Thị T1 là tài sản chung của hộ. Ngoài ra chị H không yêu cầu gì khác.

*Tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:* Khi nhà nước cân đối giao ruộng theo hộ năm 1993 thì hộ mẹ anh gồm có anh và em anh là Nguyễn Thị Tuyết H cùng mẹ Nguyễn Thị T1 là chủ hộ, nên nhà nước giao cho 03 nhân khẩu gồm 01 thửa 930m<sup>2</sup> và 01 thửa 300m<sup>2</sup>. Tuy nhiên quá trình anh canh tác cả hai đám ruộng trên, anh đã khai hoang phần ruộng nên diện tích thửa 930m<sup>2</sup> đã tăng hơn so với diện tích Nhà nước cấp là 217,5m<sup>2</sup>. Theo dự án Vlap thì thửa có diện tích 930m<sup>2</sup> có tăng là 1.147,5m<sup>2</sup>, thửa 300m<sup>2</sup> thì chỉ còn 260,6m<sup>2</sup>. Nay chị H yêu cầu chia ruộng thì anh đồng ý chia theo suất ruộng nhà nước cấp theo năm 1993, còn phần anh khai hoang 217,5m<sup>2</sup> thì yêu cầu công nhận cho anh phần đất này cùng với số diện tích mà mỗi nhân khẩu được nhận, anh xin nhận một phần của đám ruộng có diện tích lớn, còn đám 260,6m<sup>2</sup> và phần còn lại của đám lớn thì giao cho mẹ anh và H. Tại phiên tòa anh H1 thống nhất chia đều 02 thửa ruộng cho 3 người và anh xin rút yêu cầu được sử dụng diện tích đôi dư của thửa 41. Ngoài ra anh H1 không có yêu cầu gì khác.

*Tại các bản khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 là bà Nguyễn Thị Tuyyết Hạnh trình bày:* Thống nhất như ý kiến của chị H, bà T1 yêu cầu giao ruộng cho mẹ con bà để bà sử dụng. Ngoài ra bà T1 không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 219 BLDS năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2014, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia đều 03 phần đối với 02 thửa ruộng số 41, tờ bản đồ 27 diện tích

1.147,5m<sup>2</sup> và thửa đất ruộng 193 tờ bản đồ 28 diện tích 260,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định cho chị H, bà T1 và anh H1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

1] Về thủ tục tố tụng : Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung Bị đơn có địa chỉ cư trú tại TT T, huyện T, tỉnh Bình Định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu Tòa án chia đều tài sản chung là thửa đất ruộng số 41, tờ bản đồ 27 diện tích 1.147,5m<sup>2</sup> và thửa đất ruộng 193 tờ bản đồ 28 có diện tích là 260,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định cho mẹ là bà Nguyễn Thị T1, chị là Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn H1 03 phần bằng nhau đối với hai thửa đất trồng lúa trên. Chị H và bà T1 xin nhận thửa ruộng nhỏ và một phần thửa ruộng lớn, phần còn lại của thửa 41 giao cho anh H1 thì được anh Nguyễn Văn H1 đồng ý với yêu cầu trên của chị H và bà T1 nên Tòa ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2].2 Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn H1 về việc xin nhận phần suất ruộng mà anh được nhà nước giao và 217,5m<sup>2</sup> đất tăng thêm so với diện tích được giao năm 1993, nhưng tại phiên tòa anh H1 rút yêu cầu phản tố này nên Tòa đình chỉ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về chi phí định giá tài sản: Chị H tự nguyện chịu 2.000.000đ, anh H1 chịu 1.000.000đ. Chị H đã nộp 3.000.000đ nên anh H1 trả cho chị H 1.000.000đ.

[3] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 26, Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị H, anh H1 cùng phải chịu 5% x giá trị tài sản được nhận là án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. Đối với bà T1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ, anh H1 đã nộp 300.000đ được khấu trừ vào án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 246 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, Điều 212, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết H và bà Nguyễn Thị T1 cùng được quyền sử dụng thửa đất trồng lúa có số thửa 193 tờ bản đồ 28 có diện tích là 260,6m<sup>2</sup> có giới cận Đông giáp ruộng bà Suong, Tây giáp ruộng ông Thanh, Nam giáp ruộng ông Hải và nương nước, Bắc giáp ruộng ông Hồ Tỳ, tọa lạc tại Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định đồng thời được chia 01 phần ruộng có diện tích 652,7 của thửa số 41, tờ bản đồ 27 có chiều rộng hướng Tây 9,24m, chiều rộng hướng Đông 9.07m, dài 71,52m, có tứ cận Đông giáp nương và ruộng ông Đề, Tây giáp nương con, đường nương Thủy lợi lớn. Nam giáp phần ruộng chia cho anh Nguyễn Văn H1, Bắc giáp ruộng ông Chương, tọa lạc tại M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo), hiện do bà Nguyễn Thị T1 đứng tên đăng ký trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T1 và chị H có quyền đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giao 01 phần ruộng có diện tích 494,8m<sup>2</sup> của thửa số 41, tờ bản đồ 27 có chiều rộng hướng tây 6.78m, chiều rộng hướng đông 6,98m, dài 71,90m, có tứ cận Đông giáp nương và ruộng ông Đề, Tây giáp nương con, đường nương thủy lợi lớn. Nam giáp ruộng ông Trung, Bắc giáp ruộng chỉ cho bà T1 chị H, tọa lạc tại Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo). hiện do bà Nguyễn Thị T1 đứng tên đăng ký trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H1 có quyền kê khai đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đinh chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu xin được nhận 217,5m<sup>2</sup> là diện tích tăng trong thửa số 41, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Về chi phí định giá tài sản: Chị H tự nguyện chịu 2.000.000đ, anh H1 chịu 1.000.000đ. Chị H đã nộp 3.000.000đ nên anh H1 trả cho chị H 1.000.000đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí DSST: Buộc chị H, anh H1 mỗi người phải chịu án 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Đối với bà T1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003412, ngày 13/02/2020, anh H1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000762, ngày 30/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí.

Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2020). Đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật*

*thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**

***Thành viên Hội đồng xét xử***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***

